

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN TỬ BMT GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN TỬ BMT GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BMT GROUP ELECTRONIC SERVICE TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108949611

**3. Ngày thành lập:** 17/10/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 09, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0964969479

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.                                                                                                                                        | 6209     |
| 2.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet.                                                                                                                                                                                                         | 6190     |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                    | 4322     |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                      | 4651     |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                       | 4652     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659     |
| 7.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                               | 2610     |
| 8.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá                                                                                                                                                                                                           | 4513     |
| 9.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                           | 4520     |
| 10. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                       | 2640     |
| 11. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4633     |
| 12. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                                                                                                               | 3240     |
| 13. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4690     |
| 14. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                               | 3312     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.<br>Buôn bán hàng điện tử, tin học, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị viễn thông, máy vi tính<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                                                                                                                    | 4649        |
| 16. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7120        |
| 17. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3313(Chính) |
| 18. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3314        |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5610        |
| 20. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5630        |
| 21. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7320        |
| 22. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức sự kiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8230        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8299        |
| 24. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4741        |
| 25. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4742        |
| 26. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 27. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5210        |
| 28. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5621        |
| 29. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610        |
| 30. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (trừ kinh doanh trò chơi có thưởng, trò chơi điện tử, dịch vụ truy cập - truy nhập internet, karaoke, hoạt động của các sân nhảy)                                                                                                                                                                                                                                                       | 9329        |
| 31. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9511        |
| 32. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9512        |
| 33. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9521        |
| 34. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9522        |
| 35. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5510        |
| 36. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4321        |

|     |           |      |
|-----|-----------|------|
| 37. | Quảng cáo | 7310 |
|-----|-----------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 168.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BMT GROUP | Tầng 09, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 15.120.000 | 151.200.000.000       | 90,000    | 0108942038                                                                                  |         |
|     |                                    |                                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                    |                                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                    |                                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                    |                                                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                    |                                                                                                                     | Tổng số                   | 15.120.000 | 151.200.000.000       | 90,000    |                                                                                             |         |
|     |                                    |                                                                                                                     |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN HỮU KIÊN                    | Số 2A hẻm 29/70/20, Phố Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông         | 504.000    | 5.040.000.000         | 3,000     | 013645071                                                                                   |         |
|     |                                    |                                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                    |                                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                    |                                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                    |                                                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                    |                                                                                                                     | Tổng số                   | 504.000    | 5.040.000.000         | 3,000     |                                                                                             |         |
|     |                                    |                                                                                                                     |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |               |                                                                                              |                           |           |                |       |           |
|---|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|-------|-----------|
| 3 | PHẠM THỊ THƠM | 124/6/21, Đường Trần Quang Diệu, Phường An Thái, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.176.000 | 11.760.000.000 | 7,000 | 362445961 |
|   |               |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000 |           |
|   |               |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000 |           |
|   |               |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000 |           |
|   |               |                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000 |           |
|   |               |                                                                                              | Tổng số                   | 1.176.000 | 11.760.000.000 | 7,000 |           |
|   |               |                                                                                              |                           |           |                |       |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HỮU KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 24/04/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013645071

Ngày cấp: 27/05/2013

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2A hẻm 29/70/20, Phố Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 2A hẻm 29/70/20, Phố Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội